

Bản án số: 01/2024/KDTM-ST

Ngày 19/3/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T O - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bá Tuấn

2. Bà Nguyễn Thị Minh Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

O.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T O, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T O, TP. Hà Nội tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 11/2023/DSST ngày 21/11/2023 về việc tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXX-ST ngày 16 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐHPT-ST ngày 28 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế X;**
Địa chỉ: Tầng 28 Cao ốc Sài Gòn Trade Centrer, số 37 Y, phường Ng, quận *,
Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện theo pháp luật: Ông Cheng, Yi – C – Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Minh B

Người nhận ủy quyền lại: Ông Lê Quang L; Địa chỉ liên hệ: Tầng 20, tháp CEO, Lô HH2-1 đường H, phường M, quận L, thành phố Hà Nội.

(Theo GUQ số 125.2024/GUQ-COL do ông Lê Minh B ký ngày 20.02.2024). Có mặt.

- Bị đơn: **Công ty Cổ phần công nghiệp giấy và dịch vụ thương mại Nh;** Địa chỉ: Lô B2.5, Khu đô thị Thanh Hà, Cienco 5, xã Cự Khê, huyện T O, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Khánh T– Giám đốc.

ĐKTT: Số 8, Kh, Th, quận Z, Hà Nội

Địa chỉ liên hệ khác: Số 1D đường L1, phường L2, Đ, Hà Nội. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Lê Khánh T**, sinh năm 1983 và bà **Nguyễn Thùy L3**, sinh năm 1984; ĐKTT: Số 8, Khuong Đình, Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội; Địa chỉ liên hệ khác: Số 1D đường L1, phường L2, Đ, Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế X (Công ty X) trình bày:

Công ty X là tổ chức tín dụng phi ngân hàng có chức năng cho thuê tài chính theo quy định của pháp luật Việt Nam. Ngày **24/08/2020** và ngày **19/10/2020**, Công ty Cổ phần công nghiệp giấy và dịch vụ thương mại Nh (Công ty Nh) và Công ty X đã ký các Hợp đồng cho thuê tài chính số **B200825012** và **B200830712** (sau đây gọi là “**Hợp đồng thuê**”). Theo đó, Công ty X cho Công ty Nh cho thuê tài sản là: 01 Máy cắt giấy Model: CM1400A và 01 Máy cắt cuộn điện tử (gọi tắt là tài sản thuê).

Tổng giá trị Tài sản thuê, số tiền mà Công ty Nh trả trước (“Tiền trả trước”), số tiền mà Công ty X tài trợ (“Giá trị thuê”) cũng như thời hạn thuê đối với các Hợp đồng thuê cụ thể như sau:

STT	Hợp đồng thuê	Thời hạn thuê	Tổng giá trị tài sản thuê	Tiền trả trước	Giá trị thuê
1	B200825012	34 tháng	1,155,000,000	254,100,000	900,900,000
2	B200830712	38 tháng	3,459,500,000	1,037,850,000	2,421,650,000

Hàng tháng, Công ty Nh có trách nhiệm thanh toán cho Công ty X Tiền thuê bao gồm một phần Vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền Vốn gốc mà Công ty X đã tài trợ cùng các khoản lãi theo Hợp đồng thuê.

Nhằm đảm bảo thu hồi nợ, Công ty X có chấp nhận thư bảo lãnh cá nhân của ông **Lê Khánh T** và bà **Nguyễn Thùy L3**.

- Để có nguồn tài sản cho Công ty Nh thuê theo 02 hợp đồng trên, ngày **24/08/2020** và ngày **19/10/2020**, Công ty X đã ký với Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thương mại Vũ Gia và Công ty TNHH Cơ khí Quốc Hòa lần lượt **Hợp đồng mua bán số B200825012-PC** và **Hợp đồng mua bán số B200830712-PC** để mua tài sản.

- Ngày **15/09/2022**, vì thực tế Công ty Nh không thực hiện được việc thanh toán như yêu cầu của Công ty X, mặc dù Công ty X đã rất nhiều lần nhắc nhở,

Công ty X đã phát hành **Thông báo số 02.2022/TB-NHATMINH** về việc **Chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê**, yêu cầu Công ty Nh thanh toán toàn bộ dư nợ và các khoản phải trả khác theo quy định tại các Hợp đồng thuê tính đến ngày **16/09/2022** (ngày chính thức chấm dứt Hợp đồng thuê), cụ thể:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam (VNĐ)

STT	Các khoản phải thu tính đến ngày 16/09/2022	Hợp đồng số B200825012	Hợp đồng số B200830712
1	Dư nợ (Vốn gốc + thuế giá trị gia tăng VAT)	386,857,051	1,312,789,204
2	Nợ lãi thuê (trong hạn)	20,030,782	101,525,285
3	Lãi điều chỉnh	628,994	3,178,264
4	Lãi quá hạn	3,277,901	7,955,771
5	Phạt chậm thanh toán	149,123	520,786
6	Giá trị còn lại	15,939,000	47,741,100
Tổng		426,882,851	1,473,711,410
		1,900,594,261	
Bằng chữ: Một tỷ, chín trăm triệu, năm trăm chín mươi tư nghìn, hai trăm sáu mươi một đồng.			

- Ngày **18/10/2022**, Công ty X tiến hành thu hồi toàn bộ Tài sản thuê từ Công ty Nh. Ngày **04/01/2023** và ngày **28/03/2023**, Công ty X thanh lý toàn bộ tài sản thuê là 150,000,000 đồng (đối với Máy cắt giấy (Model: CM1400A) và 300,000,000 đồng (đối với Máy cắt cuộn điện tử) (đã bao gồm thuế VAT) căn cứ quy định tại Điều 10, điểm c, d Điều 11 và điểm a Điều 12 Thông tư 08/2007/TTLT-NHNN-BCA-BTP quy định:

“10. Hình thức xử lý tài sản cho thuê

a. Sau khi thu hồi tài sản cho thuê, trong thời gian tối đa 60 ngày, công ty cho thuê tài chính phải xử lý xong tài sản cho thuê theo thỏa thuận bằng văn bản giữa các bên. Trong trường hợp không có thỏa thuận hoặc không xử lý được tài sản theo thỏa thuận thì công ty cho thuê tài chính được xử lý tài sản cho thuê theo một trong các hình thức sau:

- Bán tài sản cho thuê;
- Cho bên thuê khác thuê tiếp;
- Công ty cho thuê tài chính trực tiếp sử dụng tài sản cho thuê;
- Tái xuất tài sản cho thuê;
- Các hình thức khác không trái quy định của pháp luật.

b. Trong thời gian công ty cho thuê tài chính xử lý tài sản cho thuê, nếu bên thuê hoàn trả được toàn bộ số tiền thuê phải trả theo hợp đồng và các chi phí hợp lý phát sinh trong quá trình xử lý tài sản cho thuê thì công ty cho thuê tài chính chuyển quyền sở hữu tài sản cho thuê cho bên thuê như trường hợp đã hoàn thành hợp đồng thuê, trừ trường hợp trong hợp đồng thuê các bên có thỏa thuận khác.

11. Việc định giá tài sản khi xử lý tài sản cho thuê được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

.....

c. Việc định giá tài sản theo thỏa thuận của các bên được dựa trên giá thị trường tại thời điểm định giá. Đối với tài sản mà Nhà nước thống nhất quản lý giá thì việc định giá dựa trên cơ sở giá tài sản do Nhà nước quy định.

d. Đối với tài sản cho thuê là máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển và các động sản khác có thể xác định được giá cụ thể, rõ ràng trên thị trường thì công ty cho thuê tài chính được bán theo giá thị trường mà không phải qua thủ tục quy định tại điểm a và điểm b khoản này, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.”

12. Phương thức và trình tự bán tài sản cho thuê được thực hiện như sau:

a. Công ty cho thuê tài chính được bán tài sản cho thuê theo các phương thức sau:

- Trực tiếp bán tài sản cho thuê cho người mua đối với tài sản cho thuê có thể xác định giá cụ thể, rõ ràng trên thị trường và không buộc phải bán đấu giá theo quy định của pháp luật.

- Bán tài sản cho thuê qua tổ chức bán đấu giá theo ủy quyền của công ty cho thuê tài chính.”

Toàn bộ số tiền thu được từ việc thanh lý 450.000.000đ được dùng để cân trừ vào dư nợ Công ty Nh còn thiếu và chi phí kho bãi phát sinh trong quá trình thu hồi.

Đồng thời, căn cứ Điều 13 của Hợp đồng thuê, sau khi thanh lý tài sản thuê, Công ty X tiến hành sử dụng khoản tiền ký cược bảo đảm là 248,022,500 đồng để chi trả số tiền Công ty Nh còn nợ.

Công ty X đã nhiều lần gửi yêu cầu thanh toán đến Công ty Nh, ông Lê Khánh T và bà Nguyễn Thùy L3 song Công ty Nh, ông Lê Khánh T và bà Nguyễn Thùy L3 vẫn từ chối, không thanh toán.

Vì vậy, Công ty X khởi kiện vụ án ra Toà án nhân dân huyện T O, thành phố Hà Nội, yêu cầu giải quyết những nội dung sau:

- Buộc Công ty Nh thanh toán cho Công ty X số tiền thuê mà Công ty Nh còn nợ (tạm tính đến ngày 19/12/2023) là **1,401,960,112 đồng** (Một tỷ, bốn trăm linh một triệu, chín trăm sáu mươi nghìn, một trăm mười hai đồng.). Trong đó bao gồm:

ST T	Nội dung	Hợp đồng thuê số B200825012	Hợp đồng thuê số B200830712
1.	Nợ gốc	201,669,598	817,475,922
2.	Nợ lãi thuê (trong hạn)	20,659,776	104,704,549
3.	Lãi quá hạn và lãi chậm thanh toán	3,427,024	8,476,557
4.	Giá trị còn lại	15,939,000	47,741,100
5.	Nợ lãi quá hạn sau khi chấm dứt hợp đồng (từ ngày 16/09/2022 đến 19/12/2023) (tạm tính)	39,415,210	142,451,376
Tổng các khoản phải thu		281,110,608	1,120,849,504
		1,401,960,112	
Bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm linh một triệu, chín trăm sáu mươi nghìn, một trăm mười hai đồng.			

(*) Trong đó, nợ lãi quá hạn sau khi chấm dứt hợp đồng được tính bằng hiệu của tiền lãi thuê tính trên số tiền gốc chưa thanh toán với mức lãi suất bằng 1,5 lần lãi suất tại kì gần nhất trước thời điểm chấm dứt hợp đồng, trừ đi toàn bộ tiền lãi thuê phải trả cho tới khi Công ty Nh thanh toán toàn bộ dư nợ.

• **Hợp đồng B200825012:**

+ Lãi suất thuê tại ngày gần nhất trước ngày chấm dứt Hợp đồng thuê trước hạn = Lãi suất cơ bản của CILC + Biên độ = 6.02% + 4.93% = 10.95%.

=> Nợ lãi quá hạn sau khi chấm dứt hợp đồng thuê từ ngày 16/09/2022 đến ngày 19/12/2023 được tính như sau:

B. Bảng tính lãi 150% trên dư nợ còn lại					
Mức lãi suất	10.95%				
Từ ngày	Đến ngày	Số ngày	Dư nợ	Lãi suất quá hạn (150%)	Tổng lãi quá hạn
16/09/2022	04/01/2023	110	386,857,051	16.43%	19,421,299
4/1/2023	19/12/2023	349	201,669,598	16.43%	32,121,878
Tổng cộng					51,543,177
C. Bảng tính tiền lãi thuê từ ngày chấm dứt hợp đồng tới ngày 14/12/2023					
Từ ngày	Đến ngày	Lãi thuê	Lãi điều chỉnh	Tổng lãi quá hạn	
16/09/2022	25/09/2022	787,175	25,225	812,400	
25/09/2022	25/10/2022	2,319,354	74,324	2,393,678	

25/10/2022	25/11/2022	2,014,792	64,564	2,079,356
25/11/2022	25/12/2022	1,710,231	54,805	1,765,036
25/12/2022	25/01/2023	1,405,669	45,045	1,450,714
25/01/2023	25/02/2023	1,171,391	37,537	1,208,928
25/02/2023	25/03/2023	937,113	30,030	967,143
25/03/2023	25/04/2023	702,834	22,522	725,356
25/4/2023	25/5/2023	468,556	15,015	483,571
25/5/2023	25/6/2023	234,278	7,507	241,785
Tổng cộng				12,127,967
Tổng lãi quá hạn A = B – C				39,415,210

• **Hợp đồng B200830712:**

+ Lãi suất thuê tại ngày gần nhất trước ngày chấm dứt Hợp đồng thuê trước hạn = Lãi suất cơ bản của CILC + Biên độ = 6.02% + 5.03% = 11.05%.

=> Nợ lãi quá hạn sau khi chấm dứt hợp đồng thuê từ ngày 16/09/2022 đến ngày 19/12/2023 được tính như sau:

B. Bảng tính lãi 150% trên dư nợ còn lại					
Mức lãi suất	11.05%				
Từ ngày	Đến ngày	Số ngày	Dư nợ	Lãi suất quá hạn (150%)	Tổng lãi quá hạn
16/9/2022	28/3/2023	193	1,312,789,204	16.58%	116,690,186
28/3/2023	19/12/2023	266	817,475,922	16.58%	100,147,159
Tổng cộng					216,837,345
C. Bảng tính tiền lãi thuê từ ngày chấm dứt hợp đồng tới ngày 19/12/2023					
Từ ngày	Đến ngày	Lãi thuê	Lãi điều chỉnh	Tổng lãi quá hạn	
16/09/2022	25/09/2022	2,934,849	93,170	3,028,019	
25/09/2022	25/10/2022	9,043,429	287,093	9,330,522	
25/10/2022	25/11/2022	8,304,029	263,620	8,567,649	
25/11/2022	25/12/2022	7,564,629	240,147	7,804,776	
25/12/2022	25/01/2023	6,825,229	216,674	7,041,903	
25/01/2023	25/02/2023	6,256,460	198,618	6,455,078	
25/02/2023	25/03/2023	5,687,691	180,562	5,868,253	
25/03/2023	25/04/2023	5,118,922	162,505	5,281,427	
25/04/2023	25/5/2023	4,550,153	144,449	4,694,602	

25/05/2023	25/6/2023	3,981,384	126,393	4,107,777
25/06/2023	25/7/2023	3,412,615	108,337	3,520,952
25/07/2023	25/8/2023	2,843,845	90,281	2,934,126
25/08/2023	25/9/2023	2,275,076	72,225	2,347,301
25/09/2023	25/10/2023	1,706,307	54,168	1,760,475
25/10/2023	25/11/2023	1,137,538	36,112	1,173,650
25/11/2023	19/12/2023	455,015	14,445	469,460
Tổng cộng				74,385,970
Tổng lãi quá hạn A = B – C				142,451,376

Ngoài ra Công ty Nh còn phải thanh toán tiền lãi phát sinh sau ngày 19/12/2023 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn theo quy định tại Hợp đồng thuê cho đến khi thanh toán xong nợ gốc;

Buộc ông **Lê Khánh T** và bà **Nguyễn Thùy L3** có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty X đầy đủ số tiền nêu trên trong trường hợp Công ty Nh không hoàn thành nghĩa vụ thanh toán của mình.

Bị đơn: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng đại diện Công ty Cổ phần công nghiệp giấy và dịch vụ thương mại Nh và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lê Khánh T và bà Nguyễn Thùy L3 không đến Tòa án nhân dân huyện T O làm việc. Tòa án đã phối hợp với chính quyền địa phương đến tại địa chỉ nơi đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần công nghiệp giấy và dịch vụ thương mại Nh tại Lô B2.5, Khu đô thị Th, Cienco 5, xã K, huyện T O, Hà Nội; kết quả làm việc và xác minh với Công an xã K thể hiện: Công ty Cổ phần công nghiệp giấy và dịch vụ thương mại Nh không còn hoạt động tại địa chỉ trên. Tòa án phối hợp với chính quyền địa phương nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú của ông Lê Khánh T và bà Nguyễn Thùy L3 tại Số 8, Kh, Th, quận Z, Hà Nội và Số 1D đường L1, phường L2, Đ, Hà Nội tổng đạt văn bản tố tụng đồng thời thông báo trên trang thông tin điện tử ngành Tòa án song ông Toàn, bà Linh không có bất kỳ ý kiến hay giao nộp chứng cứ gì liên quan đến vụ án, không tham gia bất kỳ buổi làm việc nào trong cả quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

* Đại diện nguyên đơn có mặt giữ nguyên yêu cầu Tòa án:

Buộc Công ty Nh trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 19/3/2024 do vi phạm hợp đồng cho thuê tài chính số B200825012 ngày 24/8/2020 và Hợp đồng B200830712 ngày 19/10/2020 tổng số tiền là: 1,444,479,234đ; trong đó:

- Hợp đồng thuê số B200825012 gồm: nợ gốc: 201,669,598đ, lãi trong hạn 20,659,776đ, lãi quá hạn 3,427,024đ, giá trị còn lại 15,939,000đ; lãi quá hạn sau khi chấm dứt hợp đồng (tạm tính đến ngày 19/03/2024) 47,790,828đ;

- Hợp đồng thuê số B200830712 gồm: nợ gốc: 817,475,922đ, lãi trong hạn 104,704,549đ, lãi quá hạn 8,476,557đ, giá trị còn lại 47,741,100đ; lãi quá hạn sau khi chấm dứt hợp đồng (tạm tính đến ngày 19/03/2024) 176,594,880đ;

Công ty Nh còn có nghĩa vụ toán cho Công ty X tiền lãi phát sinh sau ngày 19/03/2024 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn theo quy định tại Hợp đồng thuê cho đến khi thanh toán xong nợ gốc; Buộc ông Lê Khánh T và bà Nguyễn Thùy L3 có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty X đầy đủ số tiền nêu trên trong trường hợp Công ty Nh không hoàn thành nghĩa vụ thanh toán của mình.

* Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do, không có bất cứ ý kiến gì về việc giải quyết vụ án.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T O tham gia phiên tòa có ý kiến:**

Về tố tụng: Quá trình tòa án tiến thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Hợp đồng B200825012 ngày 24/8/2020 và Hợp đồng B200830712 ngày 19/10/2020 giữa Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế X và Công ty Cổ phần công nghiệp giấy và dịch vụ thương mại Nh thực hiện đúng theo quy định pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty Cổ phần công nghiệp giấy và dịch vụ thương mại Nh có trách nhiệm thanh toán trả cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế X toàn bộ số tiền tạm tính đến ngày 19/3/2024 là: 1,444,479,234đ; trong đó bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, giá trị còn lại, lãi quá hạn sau khi chấm dứt hợp đồng. Công ty Nh tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh sau ngày 19/12/2023 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn theo quy định tại Hợp đồng thuê cho đến khi thanh toán xong nợ gốc; Buộc ông Lê Khánh T và bà Nguyễn Thùy L3 có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty X đầy đủ số tiền nêu trên trong trường hợp Công ty Nh không hoàn thành nghĩa vụ thanh toán của mình. Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

* Về thẩm quyền: Đây là vụ án yêu cầu thanh toán tiền còn nợ theo Hợp đồng cho thuê tài chính số Hợp đồng B200825012 ngày 24/8/2020; Hợp đồng B200830712 ngày 19/10/2020; phụ lục số 01/ANNEX NO.01 ngày 24.8.2020 và phụ lục số 01/ANNEX NO.01 ngày 19.10 phụ lục số 01/ANNEX NO.01 ngày 24.8.2020.2020 giữa Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế X và Công ty Cổ phần công nghiệp giấy và dịch vụ thương mại Nh giữa hai công ty có tư cách pháp nhân có đăng ký kinh doanh; bị đơn Công ty Cổ phần công nghiệp giấy và dịch vụ thương mại Nh có địa chỉ đăng ký kinh doanh tại lô B2.5, Khu đô thị Th, Cienco 5, xã K, huyện T O, Hà Nội nên căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân

dân huyện T O, thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

* Về việc cấp, tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng:

Tòa án nhân dân huyện T O, thành phố Hà Nội đã tiến hành xác minh:

-Về tình trạng hoạt động của Công ty Cổ phần công nghiệp giấy và dịch vụ thương mại Nh thấy rằng: Công ty Cổ phần công nghiệp giấy và dịch vụ thương mại Nh có địa chỉ đăng ký kinh doanh tại lô B2.5, Khu đô thị Thanh Hà, Cienco 5, xã Cự Khê, huyện T O, Hà Nội nhưng không còn hoạt động tại đại chỉ nêu trên.

- Xác minh nơi cư trú của người đại diện theo pháp luật của công ty cũng như người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lê Khánh T và bà Nguyễn Thùy L3 thấy rằng:

Ông T bà có đăng ký thường trú tại Số 8, Kh, Th, quận Z, Hà Nội nhưng không ăn ở, sinh sống tại Số 8, Kh, Th, quận Z, Hà Nội

Tại địa chỉ Số 1D đường L1, phường L2, Đ, Hà Nội, ông T bà L có sinh sống ở địa chỉ trên, Tòa án đã phối hợp với chính quyền địa phương đến làm việc và tổng đạt văn bản nhưng ông T bà L vắng mặt.

Căn cứ vào Nghị quyết số 04/2017/NQ-HDTP ngày 05/5/2017 và khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân huyện T O nhận thấy: Nguyên đơn đã cung cấp địa chỉ nơi đăng ký kinh doanh của bị đơn tại lô B2.5, Khu đô thị Th, Cienco 5, xã K, huyện T O, Hà Nội; Nơi thường trú và nơi cư trú của người đại diện theo pháp luật của công ty cũng như người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lê Khánh T và bà Nguyễn Thùy L3 tại nơi đăng ký thường trú tại Số 8, Kh, Th, quận Z, Hà Nội và nơi cư trú tại Số 1D đường L1, phường L2, Đ, Hà Nội. Địa chỉ này cũng là địa chỉ các bên đã ghi trong hợp đồng, là văn bản giao dịch giữa hai bên, có xác nhận của bị đơn Do vậy, địa chỉ nguyên đơn cung cấp là đúng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án nhân dân huyện T O căn cứ vào Điều 177, Điều 179 thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng cho Công ty Cổ phần công nghiệp giấy và dịch vụ thương mại Nh, người đại diện theo pháp luật của công ty cũng như người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lê Khánh T và bà Nguyễn Thùy L3 là hợp lệ và phù hợp quy định pháp luật. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do trong tất cả các buổi làm việc. Tại phiên tòa, mặc dù đã được triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, Tòa án căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế X đối với Công ty Cổ phần công nghiệp giấy và dịch vụ thương mại Nh:

- Về tính hợp pháp của Hợp đồng cho thuê tài chính số B200825012 ngày 24/8/2020; Hợp đồng B200830712 ngày 19/10/2020, phụ lục số 01/ANNEX NO.01 ngày 24.8.2020 và phụ lục số 01/ANNEX NO.01 ngày 19.10.2020: Công ty X và Công ty Nh đều có đầy đủ tư cách pháp nhân, tham gia giao kết, xác lập hợp đồng để thực hiện hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực kinh doanh đã đăng ký. Hợp đồng được lập thành văn bản, các bên đã ký tên, đóng dấu xác nhận

theo đúng quy định pháp luật. Các thỏa thuận theo các điều khoản của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; Các bên xác định hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc nên hợp đồng phù hợp về chủ thể, hình thức và nội dung.

- Về nghĩa vụ trả nợ: Do hợp đồng cho thuê tài chính đã ký giữa hai bên là hợp pháp nên phát sinh quyền nghĩa vụ giữa các bên tham gia giao kết hợp đồng. Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ gồm: Biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản ngày 24/8/2020 và 19/10/2020; các hóa đơn GTGT số 4940/ngày 23.10.2020, 4941/23.10.2020, 6798/25.11.2020, 9043/25.12.2020, 10696/25.01.2021, 13189/01.3.2021, 15091/29.3.2021, 16837/26.4.2021, 19185/26.5.2021, 1451/28.6.2021, 3996/02.8.2021, 8140/30.9.2021, 9849/25.10.2021, 12433/25.11.2021, 14776/27.12.2021, 17043/25.01.2022, 19860/25.02.2022, 2457/28.3.2022, 5238/29.4.2022, 4939/23.10.2020 (đối với hợp đồng cho thuê tài chính số B200830712) và các hóa đơn GTGT số 1622/26.8.2020, 1623/26.8.2020, 3185/25.9.2020, 5040/26.10.2020, 6797/25.11.2020, 9042/25.12.2020, 10695/25.01.2021, 13188/01.3.2021, 15090/29.3.2021, 16836/26.4.2021, 19184/26.5.2021, 1450/28.6.2021, 3995/02.8.2021, 8139/30.9.2021, 9848/25.10.2021, 12432/25.11.2021, 14775/27.12.2021, 17042/25.01.2022, 19859/25.02.2022, 2456/28.3.2022, 5237/29.4.2022, 1621/26.8.2020, (đối với hợp đồng cho thuê tài chính số B200825012); căn cứ vào Thư yêu cầu thanh toán, Thư nhắc nợ, Thông báo khởi kiện của Công ty X ...thấy rằng, trong quá trình từ khi ký kết hợp đồng cho đến nay, Công ty Nh đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 5,6,7,8 các Hợp đồng cho thuê tài chính số Hợp đồng B200825012 ngày 24/8/2020 và Hợp đồng B200830712 ngày 19/10/2020, và phần 3, phần 4 phụ lục số 01/ANNEX NO.01 ngày 24.8.2020 và phụ lục số 01/ANNEX NO.01 ngày 19.10.2020, vi phạm quyền nghĩa vụ của bên thuê theo Điều 19, 20 Nghị định 39/07.5.2014 quy định về hoạt động của tổ chức cho thuê tài chính, Công ty Nh vi phạm nghĩa vụ thanh toán ngay từ kỳ đầu tiên về thời hạn thanh toán (thanh toán quá ngày); đến ngày 25/6/2022 vi phạm toàn bộ nghĩa vụ. Do vậy, nguyên đơn có quyền chấm dứt Hợp đồng thuê trước thời hạn, thu hồi tài sản thuê và yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại.

Sau khi ra Thông báo số 02.2022/TB-NHATMINH về việc chấm dứt hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê; ngày 04/01/2023 và ngày 28/3/2023 nguyên đơn đã thanh lý tài sản thuê, số tiền sau khi thu hồi và thanh lý tài sản là 150.000.000đ (đối với máy cắt giấy) và 300.000.000đ (đối với máy cắt cuộn điện tử) và số tiền ký cược bảo đảm của là: 248.022.500 đồng đã được đối trừ vào hợp đồng thuê, chi phí liên quan đến tài sản thuê của Công ty Nh là có căn cứ.

Sau khi đối trừ, số tiền nợ còn lại và nợ phát sinh đến ngày 19/3/2024 là 1,444,479,234 đ. Các yêu cầu về gốc, lãi, chuyển nợ gốc quá hạn của nguyên đơn đã thực hiện đúng theo sự thỏa thuận của hai bên tại Điều 6,7,8 và Điều 26 của Hợp đồng thuê; phần 3 phụ lục 01 và điểm c khoản 9 Điều 35 Thông tư 30/2015/TT-NHNN ngày 25.12.2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ cần được chấp nhận. Cụ thể:

- Hợp đồng thuê số B200825012 gồm: nợ gốc: 201,669,598đ, lãi trong hạn 20,659,776đ, lãi quá hạn 3,427,024đ, giá trị còn lại 15,939,000đ; lãi quá hạn sau khi chấm dứt hợp đồng (tạm tính đến ngày 19/03/2024) 47,790,828đ;

- Hợp đồng thuê số B200830712 gồm: nợ gốc: 817,475,922đ, lãi trong hạn 104,704,549đ, lãi quá hạn 8,476,557đ, giá trị còn lại 47,741,100đ; lãi quá hạn sau khi chấm dứt hợp đồng (tạm tính đến ngày 19/03/2024) 176,594,880đ;

Ngoài ra, Công ty Nh còn có nghĩa vụ toán cho Công ty X tiền lãi phát sinh sau ngày 19/03/2024 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn theo quy định tại Hợp đồng thuê cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

- Về nghĩa vụ của bên bảo lãnh: Để đảm bảo thu hồi nợ, ông Lê Khánh T, bà Nguyễn Thùy L3 có ký 04 Thư bảo lãnh cá nhân đều cùng ngày 19/10/2020 và 24/8/2020 cho Công ty X để trả nợ thay cho Công ty Nh trong trường hợp Công ty Nh không thể thực hiện được bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nào theo Hợp đồng thuê. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là sự tự nguyện của ông T, bà L, phù hợp với Hợp đồng thuê, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ liên đới của bên bảo lãnh theo quy định tại Điều 335, 342 của Bộ luật dân sự. Vào các ngày 15/9/2022, 27/9/2022 và 21/4/2023, Công ty X đã thông qua các Thông báo chấm dứt hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê, Thư yêu cầu thanh toán, thông báo khởi kiện đã yêu cầu ông Lê Khánh T và bà Nguyễn Thùy L3 là những người bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán, nhưng cho đến nay Công ty X vẫn không thu hồi được khoản nợ nào. Do đó, khi Công ty Nh không thực hiện việc thanh toán hết số nợ cho Công ty X thì ông Toàn bà Linh phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty X số tiền mà Công ty Nh còn phải thanh toán cho Công ty X.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Công ty Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho Công ty X là 1.444.479.234đ. Trả lại cho Công ty X số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

[5]. Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T O tại phiên tòa là đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 227, 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 274, 275, 329, 335, 338, 342, 357 Bộ luật dân sự;

- Luật các Tổ chức tín dụng;

- Nghị định 39/07.5.2014 của Chính phủ quy định về hoạt động của tổ chức tài chính và tổ chức cho thuê tài chính;

- Thông tư 30/25.12.2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế X.

Buộc Công ty Cổ phần công nghiệp giấy và dịch vụ thương mại Nh có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế X tổng số tiền tính đến ngày 19/3/2024 theo Hợp đồng cho thuê tài chính số B200825012 ngày 24/8/2020 và Hợp đồng B200830712 ngày 19/10/2020, phụ lục số 01/ANNEX NO.01 ngày 24.8.2020 và phụ lục số 01/ANNEX NO.01 ngày 19.10.2020 tổng số tiền là 1,444,479,234đ; trong đó:

- Hợp đồng thuê số B200825012 gồm: nợ gốc: 201,669,598đ, lãi trong hạn 20,659,776đ, lãi quá hạn 3,427,024đ, giá trị còn lại 15,939,000đ; lãi quá hạn sau khi chấm dứt hợp đồng (tạm tính đến ngày 19/03/2024) 47,790,828đ;

- Hợp đồng thuê số B200830712 gồm: nợ gốc: 817,475,922đ, lãi trong hạn 104,704,549đ, lãi quá hạn 8,476,557đ, giá trị còn lại 47,741,100đ; lãi quá hạn sau khi chấm dứt hợp đồng (tạm tính đến ngày 19/03/2024) 176,594,880đ;

2. Kể từ ngày 20/3/2024, Công ty Cổ phần công nghiệp giấy và dịch vụ thương mại Nh còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh sau ngày 19/03/2024 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn theo quy định tại Hợp đồng B200825012 ngày 24/8/2020 và Hợp đồng B200830712 ngày 19/10/2020, phụ lục số 01/ANNEX NO.01 ngày 24.8.2020 và phụ lục số 01/ANNEX NO.01 ngày 19.10.2020 cho đến khi trả hết nợ.

3. Trong trường hợp Công ty Cổ phần công nghiệp giấy và dịch vụ thương mại Nh không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì ông Lê Khánh T và bà Nguyễn Thùy L3 có nghĩa vụ liên đới trả nợ thay cho Công ty Cổ phần công nghiệp giấy và dịch vụ thương mại Nh tương ứng với số dư nợ thực tế tại thời điểm trả nợ theo 02 Thư bảo lãnh cá nhân cùng ngày 24/8/2020 và 02 thư bảo lãnh cùng ngày 19/10/2020 cho đến khi thanh toán hết nghĩa vụ tại Hợp đồng cho thuê tài chính số B200825012 ngày 24/8/2020 và Hợp đồng B200830712 ngày 19/10/2020, phụ lục số 01/ANNEX NO.01 ngày 24.8.2020 và phụ lục số 01/ANNEX NO.01 ngày 19.10.2020.

4. Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Về án phí:

- Công ty Cổ phần công nghiệp giấy và dịch vụ thương mại Nh phải chịu 55.334.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế X được trả lại 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020537 ngày 21/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T O, TP. Hà Nội.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ..

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện T O;
- Chi cục THADS huyện T O;
- Dương sự;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Mai